

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 353/TANDTC-PC

V/v gửi kết quả trả lời các nội dung
kiến nghị, phản ánh về VBQPPL thuộc
lĩnh vực phụ trách của TANDTC

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

Thực hiện Công văn số 01-CV/ĐU ngày 09/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp về việc thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao gửi đến Quý cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nội dung trả lời các phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách của Tòa án nhân dân tối cao.

Trường hợp có khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung trả lời, đề nghị Quý cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên hệ Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Tòa án nhân dân tối cao¹ để phối hợp xử lý.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Văn Tiến, PCA TANDTC (để b/c);
- Công Pháp luật quốc gia (để đăng tải);
- Công thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH (P3).

**TL. CHÁNH ÁN
VỤ TRƯỞNG
VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC**



Lê Thế Phúc

¹ Đầu mối liên hệ: Bà Hà Quỳnh Nga, Thẩm tra viên Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học (SDT: 0986.099.523, email: haquynhnga@gmail.com)

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

1. Văn phòng Chính phủ
2. Bộ Tư pháp
3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao
4. Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng
5. Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
6. Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa
7. Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
8. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
9. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
10. Ngân hàng TMCP Quân đội
11. Công Ty Luật BIZLINK

Phụ lục I
CHO Ý KIẾN ĐỐI VỚI KẾT QUẢ RÀ SOÁT KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT THUỘC
LĨNH VỰC CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Tiêu chí: Quy định mâu thuẫn, chồng chéo trong cùng một VBQPPL hoặc giữa các VBQPPL

Cơ quan cho ý kiến: Tòa án nhân dân tối cao

(Kèm theo Công văn số 322/TANDTC-PC ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
1	Khoản 2, Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 1 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.	Tại khoản 2 Điều 195 BLTTDS năm 2015 quy định: “Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí”. Điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành	Bộ Tư pháp	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý đề xuất. Lý do: Nội dung được phản ánh là mâu thuẫn giữa điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và khoản 2 Điều 195 BLTTDS không phải quy định pháp luật thuộc phạm vi phụ trách của Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định giải thích luật, do vậy

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		tiền tạm ứng án phí, trừ trường hợp có lý do chính đáng”. Như vậy hiện nay thời hạn nộp tạm ứng án phí được quy định khoản 2, Điều 195 BLTTDS năm 2015, Mẫu số 29/DS của NQ 01/2017/NQ-HĐTP và điểm a, khoản 1 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH đang có sự khác biệt dẫn tới các cách hiểu và áp dụng khác nhau trên thực tế về xác định thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí là “7 ngày” hay “7 ngày làm việc”. Quy định thống nhất giữa các văn bản về thời hạn nộp tạm ứng án phí theo một trong hai phương án: A. Sửa đổi quy định tại khoản 2, Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 BLTTDS năm 2015 về thời hạn nộp tạm ứng án phí từ “7 ngày” sang “07 ngày làm việc” (quy định theo hướng có lợi hơn cho đương sự khi thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí và phù hợp với thời gian làm việc thực tế của các cơ quan nhà nước có liên quan). B. Sửa đổi quy định Điểm a, khoản 1 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về thời hạn			quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 phải phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phương án xử lý đề xuất: Vấn đề này cần được nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		nộp tạm ứng án phí từ “7 ngày làm việc” sang “7 ngày”.			
2	- Tại khoản 2 Điều 104 Bộ Luật Tổ tụng dân sự, quy định: “Việc thẩm định giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá tài sản.” - Tại điểm a khoản 4 Điều 104 Bộ Luật Tổ tụng dân sự, quy định: “4. Trình tự, thủ tục thành lập Hội đồng định giá, định giá tài sản: a) Hội đồng định giá do Tòa án thành lập gồm Chủ tịch Hội đồng định giá là đại diện cơ quan tài chính và thành	- Việc thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản gồm các đại diện của cơ quan Nhà nước để định giá tài sản trong vụ án dân sự là chưa phù hợp về nguyên tắc ưu tiên thỏa thuận và nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự; - Chưa phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4 Luật Giá năm 2023: “16. Thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định do doanh nghiệp thẩm định giá, hội đồng thẩm định giá thực hiện theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.” và điều kiện thành lập Hội đồng thẩm định giá Nhà nước tại khoản 1 Điều 59 Luật Giá năm 2023: “1. Thẩm định giá của Nhà nước được lựa chọn thực hiện trong trường hợp pháp luật có liên quan quy định về việc sử dụng phương thức này là một trong các cơ sở để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét quyết định, phê duyệt giá khi bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết,	C (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý đề xuất. Lý do: Không có mâu thuẫn chồng chéo giữa quy định pháp luật về định giá tài sản và thẩm định giá tài sản. - Định giá tài sản là một biện pháp Tòa án tiến hành để thu thập tài liệu, chứng cứ và được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tổ tụng dân sự. - Thẩm định giá tài sản là việc các đương sự có quyền thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để thực hiện việc thẩm định giá tài sản và cung cấp kết quả thẩm định giá cho Tòa án. Việc thẩm định giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá tài sản.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh mâu thuẫn, chồng chéo	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
	viên là đại diện các cơ quan chuyên môn có liên quan. Người đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó, người quy định tại Điều 52 của Bộ luật này không được tham gia Hội đồng định giá.”	chuyển giao tài sản công hoặc mua, đi thuê hàng hóa, dịch vụ, tài sản có sử dụng vốn nhà nước.”			

Phụ lục II
CHO Ý KIẾN ĐỐI VỚI KẾT QUẢ RÀ SOÁT KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LĨNH VỰC
THUỘC TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Tiêu chí: Quy định của VBQPPL không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật

Cơ quan cho ý kiến: Tòa án nhân dân tối cao

(Kèm theo Công văn số 322/TANDTC-PC ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
1.	Khoản 2 Điều 24 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Cần có chế tài đối với đương sự không thực hiện nghĩa vụ thông báo cho nhau về việc nộp các tài liệu, chứng cứ.	Khoản 2 Điều 24 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về bảo đảm tranh tụng trong xét xử: “Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự và có nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định của Bộ luật	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Công Ty Luật BIZLINK	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Khoản 5 Điều 70 BLTTDS quy định: “Điều 70. Quyền, nghĩa vụ của đương sự <i>Đương sự có quyền, nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia tố tụng. Khi tham gia tố tụng, đương sự có quyền, nghĩa vụ sau đây:</i> ...5. <i>Cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;”</i>

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		này”. Tuy nhiên, trên thực tế các đương sự không thông báo cho nhau các tài liệu chứng cứ đã giao nộp theo luật quy định nhưng Luật tố tụng cũng không có quy định nào về chế tài đối với đương sự không thực hiện nghĩa vụ. Vấn đề này gây rất nhiều khó khăn cho công tác thu thập chứng cứ, ảnh hưởng đến việc tranh tụng của các đương sự và thời gian giải quyết các vụ việc tại Tòa án.			Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có nghĩa vụ phải giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định để giải quyết vụ việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 96 BLTTDS. Đối với nội dung phản ánh về việc bổ sung chế tài đối với đương sự, Tòa án nhân dân tối cao sẽ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
2.	Khoản 3 Điều 95 BLTTDS	Khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015 quy định quy định về nguồn chứng cứ điện tử; tuy nhiên cách thức thu thập chứng cứ điện tử này như thế nào? Quy trình ra sao? Quyền của chủ thể liên quan	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: BLTTDS đã có quy định chung về Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự (Điều 6), Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		khí tiến hành thu thập,...chưa được BLTTDS năm 2015 quy định.	ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)		cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền (Điều 7), đồng thời Điều 97 BLTTDS quy định về những biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ. Đối với những vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao sẽ tổng hợp, nghiên cứu để hướng dẫn giải quyết theo thẩm quyền. Tòa án nhân dân tối cao đang thực hiện triển khai xây dựng Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về thực hiện tố tụng trên môi trường điện tử tại Tòa án nhân dân.
3.	Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Đề xuất nghiên cứu và xem xét quy định một cơ chế rõ ràng trong việc xác định/xác minh các chủ thể đang lưu giữ/quản lý/sở hữu các tài	Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; hết thời hạn này mà không cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án thì cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Cơ quan,	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Công Ty Luật BIZLINK	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Khoản 3 Điều 106 BLTTDS đã quy định rõ ràng, hợp lý, khả thi, không gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật. Đối với nội dung phản ánh, Tòa án nhân dân tối cao sẽ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
	liệu, chứng cứ liên quan mật thiết và quan trọng đối với việc giải quyết vụ việc; đồng thời khi áp nghĩa vụ cung cấp tài liệu bắt buộc lên các chủ thể liên quan thì cần làm rõ hậu quả và trách nhiệm liên quan đến việc cung cấp này cũng như rủi ro có thể phát sinh để có biện pháp khắc phục. Trong trường hợp các rào cản hoặc nguyên nhân cản trở việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đã được khắc phục mà chủ thể sở hữu/quản lý các tài liệu, chứng cứ này vẫn từ chối cung cấp không có	tổ chức, cá nhân không thực hiện yêu cầu của Tòa án mà không có lý do chính đáng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Việc xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân không phải là lý do miễn nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.” Điều luật quy định khá rõ nhưng việc thực hiện trên thực tế gặp nhiều khó khăn vì nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ tài liệu có liên quan mật thiết và quan trọng đối với việc giải quyết vụ việc nhưng những chủ thể này có thể từ chối cung cấp tài liệu cho Tòa án với nhiều lý do không chính đáng và không hợp lý. Điều này có thể ảnh hưởng việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án và thời gian giải quyết vụ việc tại Tòa án. Tuy nhiên cũng cần làm rõ các hậu quả hoặc trách nhiệm của các bên liên quan trong trường hợp các chủ thể này phải cung cấp tài liệu được yêu cầu hay có cơ chế/biện pháp bảo mật/khắc phục phù hợp để bảo đảm quyền lợi của những			

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
	lý do chính đáng thì cần nghiên cứu các chế tài phù hợp và đủ sức răn đe để đảm bảo việc các bên liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án trong tố tụng dân sự.	chủ thể liên quan. Bên cạnh đó, theo Khoản 1 Điều 18 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng năm 2022, hành vi này chỉ áp dụng mức phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân theo khoản 2 Điều 6 của Pháp lệnh này. Có thể thấy chế tài liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án trong tố tụng dân sự lại tương đối thấp.			
4.	Điều 202 BLTTDS	Điều 202 của BLTTDS năm 2015 quy định về thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật TTDS về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn. Trong thực tế áp dụng đã xảy ra trường hợp Tòa án trả lại đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập, đương sự có khiếu nại nhưng BLTTDS năm 2015 không quy định về trình tự thủ tục việc giải quyết khiếu nại đối với trường hợp trả lại đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập. Trường hợp này nên áp dụng theo	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Điều 202 BLTTDS quy định: “ <i>Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn.</i> ” Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 499 BLTTDS (Chương XLI) cũng quy định: “Điều 499. Quyết định, hành vi trong tố tụng dân sự có thể bị khiếu nại

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		quy định tại Điều 194 của BLTTDS năm 2015 để giải quyết theo trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện như việc giải quyết khiếu nại của nguyên đơn hay căn cứ Điều 504 BLTTDS năm 2015 để giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng là Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án?			...2. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nếu có kháng cáo, kháng nghị và các quyết định tố tụng khác do người tiến hành tố tụng dân sự ban hành nếu có khiếu nại, kiến nghị thì không giải quyết theo quy định của Chương này mà được giải quyết theo quy định của các chương tương ứng của Bộ luật này.” Do vậy không căn cứ vào Điều 504 BLTTDS năm 2015 (Chương XLI) để giải quyết khiếu nại đối với hành vi tố tụng là trả lại đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập mà được giải quyết theo quy định của các chương tương ứng của Bộ luật này. Trường hợp đương sự có khiếu nại về việc trả lại đơn phản tố và đơn yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định tại Điều 194 của BLTTDS năm 2015 theo trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện. Quy định tại Điều 202 BLTTDS là rõ ràng, hợp lý, khả thi, không gây khó

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
					khẩn trong áp dụng, thực hiện pháp luật.
5.	Khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 286 BLTTDS	Hiện nay chưa có quy định Tòa án nhân dân phải thông báo cho Viện kiểm sát về việc gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử.	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Đây là chính sách tại thời điểm xây dựng pháp luật. Tòa án nhân dân tối cao ghi nhận nội dung phản ánh để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
6.	- Khoản 1 Điều 1 Luật GDTP năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020; - Khoản 1 Điều 102 BLTTDS năm 2015; -Khoản 1 Điều 89 Luật TTHC năm 2015; Khoản 1 Điều 207 BLTTHS năm 2015. (TANDTC; VKSNDTC)	Yêu cầu giám định chỉ được thực hiện sau khi người yêu cầu giám định đưa ra đề nghị trưng cầu giám định cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (THTT), người có thẩm quyền THTT thực hiện trưng cầu giám định mà không được chấp nhận hoặc hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền THTT, người có thẩm quyền THTT nhận được đề nghị nhưng không trả lời. Tuy nhiên, điều này dẫn đến trình tự, thủ tục rườm rà, trong khi đó, đối tượng giám định có thể bị biến đổi bởi thời gian làm thủ tục, gây khó khăn cho quá trình giám định và	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Đây là chính sách tại thời điểm xây dựng pháp luật. Tòa án nhân dân tối cao ghi nhận nội dung phản ánh để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		kết luận. Bên cạnh đó, trường hợp cơ quan có thẩm quyền THPT đồng ý với đề nghị trưng cầu giám định, nhưng thực hiện trưng cầu tổ chức giám định khác với tổ chức giám định người đề nghị mong muốn. Trường hợp này cũng gây ra những khúc mắc từ phía đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ.			
7.	Điều 53 Luật Phá sản năm 2014	Trong một số vụ án phát sinh, MB tham gia với tư cách là một chủ nợ đối với doanh nghiệp đang trong tình trạng Tòa án đã quyết định mở thủ tục phá sản. Trong các vụ án này, Tòa án sau khi quyết định mở thủ tục phá sản không tiếp nhận, giải quyết yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của MB đối với các tài sản bảo đảm không phục vụ việc phục hồi sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều 53 Luật Phá sản. Ngoài ra, việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản cũng không được Tòa án giải quyết trong thời hạn theo quy định. Việc thời hạn giải quyết việc phá sản bị kéo dài trong khi cũng	A. (Giải thích luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại Điều 60 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025)	Ngân hàng TMCP Quân đội	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Chính sách pháp luật tại thời điểm xây dựng Luật Phá sản năm 2014 chỉ quy định xử lý khoản nợ có bảo đảm bị tạm đình chỉ theo khoản 3 Điều 41 Luật Phá sản năm 2014. Đây là vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành luật, Tòa án nhân dân tối cao ghi nhận nội dung phản ánh và báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Về phản ánh việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản không được giải quyết trong thời hạn quy định:

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		không được xử lý tài sản bảo đảm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Bên cho vay là MB. Đề xuất Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, yêu cầu Tòa án các cấp thụ lý, giải quyết vụ việc phá sản theo đúng thời hạn quy định; tiếp nhận, xử lý yêu cầu của TCTD về xử lý tài sản bảo đảm không phục vụ việc phục hồi sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật về phá sản.			Việc thụ lý, giải quyết vụ việc phá sản được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản và luật khác liên quan. Phản ánh của MB là phản ánh đối với vụ việc cụ thể, do đó, đề nghị gửi đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết.
8.	Điều 105 Luật Phá sản năm 2014	Điều 105 về tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn cần bổ sung các quy định về xử lý vướng mắc, bất cập như: có nợ chồng chéo liên quan đến nhiều bên, nhiều khoản nợ vừa phải thu ở công ty này vừa là nợ phải trả ở công ty khác; vẫn còn nợ phải thu, có tài sản trên báo cáo tài chính; quy định về việc quyết định bán hợp khối...	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Văn phòng Chính phủ	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Chính sách pháp luật thời điểm đó quy định Tòa án giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật Phá sản năm 2014. Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành luật, Tòa án nhân dân tối cao ghi nhận phản ánh và sẽ kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
9.	Khoản 3 Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015	Hiện nay pháp luật quy định cấp trưởng chỉ được ủy quyền cho cấp phó của mình là không phù hợp với thực tiễn gây kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Do đó, đề	C (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		ngiht mở rộng phạm vi đối tượng được ủy quyền cho các chủ thể khác như ủy quyền cho Luật sư	VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)		Lý do: Đây là vấn đề đã được Quốc hội thảo luận kỹ khi xem xét, thông qua Luật TTHC 2015. Quy định này nhằm khắc phục những bất cập trọng thực tiễn xét xử án hành chính theo Luật TTHC 2010, cụ thể: Người bị kiện là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước không tham gia tố tụng, thường ủy quyền cho cán bộ, công chức cấp dưới là người không có thẩm quyền quyết định những việc liên quan đến các QĐHC bị kiện tham gia tố tụng. Điều này làm cho việc tổ chức đối thoại giữa các đương sự, giải quyết vụ án bị kéo dài, không hiệu quả do người đại diện phải xin ý kiến chỉ đạo của người có thẩm quyền.
10.	Khoản 3 Điều 60 Luật Tố tụng hành chính năm 2015	Khoản 3 Điều 60 LTTHC quy định về người đại diện theo ủy quyền: “Trường hợp người bị kiện là cơ quan, tổ chức hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì người bị kiện chỉ được ủy quyền cho cấp phó của mình đại diện. Người được ủy quyền phải tham gia vào quá trình giải quyết toàn bộ vụ án, thực hiện đầy đủ các	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của	Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Việc người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện không tham gia vào quá trình tố tụng tại Tòa án theo quy định của Luật TTHC là chưa thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của mình. Việc này cần được chấn chỉnh,

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		quyền, nghĩa vụ của người bị kiện theo quy định của Luật này”. Thông thường, người bị kiện trong các vụ án hành chính đều là UBND, Chủ tịch UBND các cấp, vì vậy đại diện theo ủy quyền là Phó Chủ tịch UBND, nhưng trên thực tế đại diện theo ủy quyền hầu hết trong các vụ án đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 158 LTTHC hoặc cá biệt có nhiều trường hợp người đại diện theo ủy quyền từ chối tham gia tố tụng, đề nghị giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, thường sẽ có bộ phận giúp việc đi theo người được ủy quyền, gây mất thời gian, tốn kém nhân lực.	Luật Ban hành VBQPPL)		giải quyết ở góc độ xem xét mức độ hoàn thành trách nhiệm của cán bộ, không phải do nguyên nhân vướng mắc từ Luật. Việc quy định chỉ được ủy quyền cho cấp phó tham gia tố tụng nhằm đảm bảo cho phiên tòa được giải quyết nhanh chóng.
11.	Luật Tổ tụng hành chính năm 2015	Luật TTHC năm 2015 không quy định rõ trách nhiệm của cấp trên trực tiếp của người phải thi hành án, vì vậy, trách nhiệm của Cơ quan THADS đối với việc THAHC chỉ dừng ở mức độ theo dõi nên không có chế tài đủ mạnh để xử lý người không chấp hành án hành chính.	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Điều 311, Điều 312 Luật TTHC đã quy định cụ thể về việc thi hành bản án, quyết định hành chính và yêu cầu buộc thi hành bản án, quyết định hành chính; đồng thời giao Chính phủ quy định cụ thể về thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
					thi hành bản án, quyết định hành chính của Tòa án. Việc quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trực tiếp của người phải thi hành án đang được quy định tại Điều 34 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Phương án xử lý đề xuất: Vấn đề này cần được nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 nêu trên.
12.	Điểm c khoản 2 Điều 61 của Luật Tổ tụng hành chính	Điểm c khoản 2 Điều 61 của LTTHC quy định những người được làm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khi có yêu cầu của đương sự là “Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ... không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an”. Điều này đôi lúc gây khó khăn cho người	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban	Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Việc không cho phép cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhằm bảo đảm tính khách quan, công

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		bị kiện khi muốn cử người thuộc cơ quan tham mưu, giúp việc để làm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Ví dụ, người khởi kiện khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ của Trưởng Công an huyện, Trưởng phòng cảnh sát giao thông thì người bị kiện là Trưởng công an huyện, Trưởng phòng cảnh sát giao thông không được cử người là công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, điều này gây khó khăn cho việc tham gia tố tụng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện. Do đó, cần sửa đổi quy định này theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn hơn.	hành VBQPPL)		bằng của quá trình giải quyết vụ án vì những người này có liên quan mật thiết đến hoạt động xét xử và thi hành án. Thực tiễn thi hành, Tòa án nhân dân tối cao chưa nhận được các phản ánh khó khăn vướng mắc của các Tòa án về việc quy định tại điểm c khoản 2 Điều 61 là không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật.
13.	Khoản 3 Điều 137 Luật Tố tụng hành chính năm 2015	Khoản 3 Điều 137 LTTHC quy định: “Trong vụ án có nhiều đương sự, mà có đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành phiên họp và việc tiến hành phiên họp đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành phiên họp giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên họp để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì	C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban	Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Mặc dù Luật không quy định về số lần tối đa đương sự được vắng mặt nhưng đã quy định rõ về các căn cứ, điều kiện được hoãn phiên họp. Nội dung khoản 3 Điều 137 và khoản 1 Điều 135 Luật TTHC không mâu thuẫn với nhau với lý do: quy định tại khoản 1 Điều 135 được xác định là

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		Thẩm phán phải hoãn phiên họp và thông báo bằng văn bản việc hoãn phiên họp, mở lại phiên họp cho các đương sự”. Tuy nhiên, điều luật không quy định cụ thể về số lần tối đa đương sự được vắng mặt có lý do chính đáng và không quy định cụ thể số lần các đương sự được quyền đề nghị hoãn phiên họp để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án. Không ít trường hợp, các đương sự lạm dụng sự vắng mặt, lạm dụng quyền đề nghị hoãn phiên họp để trì hoãn việc giải quyết vụ án dẫn đến vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Hơn nữa, nếu lần mở phiên họp đầu tiên có đương sự vắng nhưng các đương sự đề nghị tiến hành phiên họp vắng mặt thì có mâu thuẫn với quy định tại khoản 1 Điều 135 của LTTTC.	hành VBQPPL)		trường hợp vụ án hành chính không tiến hành đối thoại được. Khi đã xảy ra tình huống tại khoản 1 Điều 135 thì không thực hiện theo khoản 3 Điều 137 nữa.
14.	Tại điểm b khoản 2 Điều 311 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015	Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 311 quy định “Người phải thi hành án phải thi hành bản án, quyết định của Tòa án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án” và tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 1/2016/NĐ-CP “Khi nhận được	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Thời gian gửi bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo Điều 196 Luật TTHC 2015. Việc xác định thời điểm người phải thi hành án nhận bản án, quyết định căn cứ vào sổ Công văn đến tại cơ quan

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự phân công Chấp hành viên thực hiện theo dõi việc thi hành án hành chính. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm ra văn bản thông báo về việc tự nguyện thi hành án gửi người phải thi hành án. Nội dung thông báo nêu rõ thời hạn tự nguyện, trách nhiệm tổ chức thi hành án, việc xử lý trách nhiệm nếu không chấp hành án. Đối với bản án, quyết định của Tòa án quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 311 Luật tổ tụng hành chính thì phải ra ngay thông báo về việc tự nguyện thi hành án”. Tuy nhiên, trên thực tế Cơ quan Thi hành án dân sự không biết chính xác thời điểm người phải thi hành án nhận bản án, quyết định của Tòa án nên khó xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc việc tự nguyện thi hành án của người phải thi hành án.	Luật Ban hành VBQPPL)		phải thi hành án hoặc có người phải thi hành án công tác.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
15.	Điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại Cần có định nghĩa hoặc giới hạn cụ thể hơn về “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.	Một trong các căn cứ hủy phán quyết trọng tài là “Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” và được định nghĩa là “là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam”. Các quy định này quá rộng, không có định nghĩa, dẫn đến việc có nhiều cách hiểu khác nhau và khó áp dụng trên thực tế, dẫn đến rủi ro cao bị hủy phán quyết trọng tài.	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Công Ty Luật BIZLINK	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý đề xuất. Lý do: Khó khăn, vướng mắc này thuộc phạm vi xử lý của Luật Trọng tài thương mại, không phải là vấn đề phát sinh từ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại.
16.	Điểm đ khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự	Căn cứ để Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự là: “Cần đợi kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, ủy thác thu thập chứng cứ hoặc đợi cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án mới giải quyết được vụ án”. Tuy nhiên, Luật lại không quy định thời hạn tạm đình chỉ cụ thể là bao lâu trong khi Viện Kiểm sát không có thẩm quyền trong việc kiểm sát thời hạn này mà chỉ đợi khi nào có kết quả thu thập chứng cứ từ cơ quan chuyên môn thì Tòa án mới thông báo tiếp tục giải quyết vụ án, khiến nhiều vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Việc thực hiện ủy thác tư pháp, ủy thác thu thập chứng cứ, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ đều đã được quy định thời hạn trong Bộ luật Tố tụng dân sự (khoản 3 Điều 105, khoản 1 Điều 106, khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự). Đồng thời, khoản 4 Điều 125 của BLTTDS cũng quy định: “Trong thời gian tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
					vụ án vẫn phải có trách nhiệm về việc giải quyết vụ án. Sau khi có quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại khoản 1 Điều 214 của Bộ luật này, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm khắc phục trong thời gian ngắn nhất những lý do dẫn tới vụ án bị tạm đình chỉ để kịp thời đưa vụ án ra giải quyết.”
17.	Khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015	Khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn đối với các tranh chấp hợp đồng tín dụng bao gồm: - Bên vay ký hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ rõ ràng, - Bên Thế chấp ký hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký thế chấp. - Bên vay, thế chấp có địa chỉ thường trú, tạm trú rõ ràng, - Các đương sự ở VN, không có tài sản chằng chắp tại nước ngoài. Quy định thủ tục rút gọn với các tranh chấp hợp đồng tín dụng thương mại không rõ ràng. Gây chậm trễ xử lý, khó áp dụng thực tiễn. Đề nghị có hướng dẫn	B. Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Việc “mở rộng phạm vi áp dụng” không được quy định trong văn bản hướng dẫn. Trườn có đề nghị mở rộng phạm vi áp dụng của luật thì cần được nghiên cứu trong quá trình sửa đổi toàn diện BLTTDS hoặc cân nhắc trong quá trình xây dựng PL có liên quan.

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		chi tiết: - Mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn - Cho phép xử lý nhanh các vụ án tín dụng đơn giản, tranh chấp rõ ràng - Đảm bảo hiệu quả trong xử lý TS bảo đảm			

Phụ lục III
CHO Ý KIẾN ĐỐI VỚI KẾT QUẢ RÀ SOÁT KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT THUỘC
LĨNH VỰC TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Tiêu chí: Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của VBQPPL nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế

Cơ quan cho ý kiến: Tòa án nhân dân tối cao

(Kèm theo Công văn số 322/TANDTC-PC ngày 15/8/2025 của Tòa án nhân dân tối cao)

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của VBQPPL nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
1.	Luật phá sản 2014	- Về việc xử lý nợ thông qua thủ tục phá sản: Đối với khoản nợ đang được xử lý theo thủ tục thi hành án nhưng khách hàng bị yêu cầu mở thủ tục phá sản thì phát sinh vướng mắc liên quan đến việc xử lý TSBĐ của bên thứ ba: Trường hợp tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu/đã ra quyết định mở thủ tục phá sản thì cơ quan thi hành án sẽ lần lượt ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án đối với doanh nghiệp, bao gồm cả việc đình chỉ thi hành phần xử lý TSBĐ của bên thứ ba (vốn không liên quan đến quá trình giải quyết phá sản) và việc thi hành án đương nhiên kết thúc, nên TCTD không có căn cứ, cơ sở xử lý TSBĐ của bên thứ ba để thu hồi nợ và cũng thiếu cơ sở pháp lý để yêu cầu Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá	C. (Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý được đề xuất. Lý do: Chính sách pháp luật tại thời điểm xây dựng Luật Phá sản năm 2014 quy định khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, ra quyết định mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì cơ quan thi hành án dân sự phải tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án dân sự về tài sản mà doanh nghiệp,

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của VBQPPL nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
		sản giải quyết trong cùng vụ việc phá sản. Vì vậy, đề nghị sửa đổi Luật phá sản theo hướng: Đối với trường hợp TSBĐ của bên thứ ba bảo đảm cho nghĩa vụ của doanh nghiệp đang bị tòa án giải quyết thủ tục phá sản mà TCTD chưa hoặc đang xử lý theo thỏa thuận tại các hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ thì đề nghị có quy định cho phép TCTD được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ việc phá sản; Đối với TSBĐ của bên thứ ba đang được thi hành án thì đề nghị quy định Cơ quan thi hành án được tiếp tục xử lý TSBĐ đó và chỉ đình chỉ thi hành án phần còn lại của Bản án/Quyết định của Tòa án để phục vụ giải quyết vụ phá sản. – Bên cạnh đó, các thủ tục để xử lý tài sản của doanh nghiệp khi mở thủ tục phá sản gồm nhiều thủ tục, nhiều bước dẫn tới kéo dài thời gian thu hồi nợ của TCTD, do đó đề xuất sửa đổi lại Luật Phá sản theo hướng rút gọn thời gian thực hiện các thủ tục pháp lý.			hợp tác xã là người phải thi hành mà không phân biệt bản án, quyết định liên quan đến tài sản của bên thứ ba được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã. Đây là vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành luật, Tòa án nhân dân tối cao ghi nhận phản ánh để báo cáo cơ quan có thẩm quyền.
2.	Điểm d, Khoản 1 Điều 4, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024	Chưa có quy định cụ thể hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế	B. Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành	Bộ Tư pháp	Không nhất trí với nội dung phản ánh và phương án xử lý đề xuất. Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 và Điều 62 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi năm 2025), Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm

STT	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của VBQPPL nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế	Phương án xử lý được đề xuất	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung rà soát, phản ánh
	(sửa đổi, bổ sung 2025)		VBQPPL năm 2025		tài chính quốc tế thuộc tổ chức của Tòa án nhân dân; tổ chức và hoạt động của Tòa án chuyên biệt do Quốc hội quy định. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân không quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế. Ngày 08/8/2025, Tòa án nhân dân tối cao đã có Tờ trình số 302/TANDTC-PC trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị xây dựng Luật Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế